

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 748/2024/DS-PT  
Ngày: 12 - 9 - 2024  
V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2183/2024/QĐPT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn:

1. Bà Dương Thị H, sinh năm 1944, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị H: Bà Dương Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Tạm trú: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023, có mặt.

2. Bà Dương Thị B, sinh năm 1948, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị B: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1963. Địa chỉ: số A, đường A, Khóm B, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 08/02/2023, có mặt.

3. Bà Dương Thị L, sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Dương Thị P, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: Số A, đường A, Khóm B, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1952, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Dương Văn Đ: Bà Nguyễn Thị Thảo N, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thanh H1 – Đoàn luật sư T4, có mặt.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1: Ông Huỳnh Tuấn E, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khóm A, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023, có mặt.

2. Anh Dương Nhật T2, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Dương Thị Tuyết N1, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

4. Anh Nguyễn Triệu Quang D, sinh năm 1985, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Huỳnh Tấn P1, sinh năm 1961, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Tạm trú: Cùng ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

6. Chị Huỳnh Thị Thảo Q, sinh năm 2004, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Cùng ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị Thảo Q: Bà Dương Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Huỳnh Thị Thảo Q: Ông Phạm Minh L1, là Luật sư cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có mặt.

7. Anh Dương Minh T3, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của anh Dương Minh T3: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1990. Địa chỉ: 651/7 LHP phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2023, có mặt.

8. Chị Dương Thị Thúy A, sinh năm 1982, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, đường C, phường C, quận Ô, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của chị Dương Thị Thúy A: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

9. Anh Dương Tiến D1, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của anh Dương Tiến D1: Bà Dương Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Tạm trú: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 15/9/2023, có mặt.

10. Ngân hàng N3 chi nhánh thị xã D, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, đường B, Khóm A, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị H, bà Dương Thị B, bà Dương Thị L, bà Dương Thị P và ông Nguyễn Ngọc C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày: Ông nội của các nguyên đơn tên Dương Văn N2 (đã chết) có để lại cho cha mẹ các nguyên đơn là cụ Dương Văn Đ1 (chết năm 1997) và cụ Phan Thị L2 (chết năm 2016) quyền sử dụng đất diện tích 40.000m<sup>2</sup>, loại đất nuôi trồng thủy sản và quyền sử dụng đất diện tích 6.104,3m<sup>2</sup>, loại đất ở và cây lâu năm, cùng tọa lạc tại ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Cha mẹ các nguyên đơn có 05 người con gồm: Dương Thị H, Dương Thị B, Dương Văn Đ, Dương Thị L, Dương Thị P. Trước khi cụ Đ1 chết thì cụ Đ1 có căn dặn cụ L2 và các con là để diện tích đất nuôi trồng thủy sản 40.000m<sup>2</sup> cho ông Đ quản lý, sử dụng và có nhiệm vụ thờ cúng tổ tiên vì ông Đ là con trai duy nhất. Còn diện tích đất 6.104,3m<sup>2</sup>, loại đất ở và cây lâu năm thì chia đều cho 05 chị em. Thực hiện theo ý nguyện của cụ Đ1, các nguyên đơn đã thống nhất giao cho ông Đ phần diện tích đất 40.000m<sup>2</sup>. Sau khi cụ L2 chết, các nguyên đơn yêu cầu ông Đ chia diện tích đất 6.104,3m<sup>2</sup>, thửa số 82, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (theo tư liệu năm 1991 là thửa 508, 509) thành 05 phần bằng nhau nhưng ông Đ chỉ đồng ý chia cho 04 chị em các bà mỗi người 240m<sup>2</sup> (ngang 08m x dài 30m). Nay các nguyên đơn thống nhất trong diện tích đất trên dành diện tích qua chỉ ranh thực tế 649,2m<sup>2</sup> làm mồ mã cho thân tộc; các anh, chị em các nguyên đơn cùng đứng tên quyền sử dụng đất phần diện tích làm mồ mã này, phần diện tích còn lại các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho các anh, chị em của các nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phân tố của ông Dương Văn Đ yêu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 1.420m<sup>2</sup>, thửa số 164, tờ bản đồ số 09 và diện tích đất 2.460 m<sup>2</sup>, thửa số 3, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 08, cùng tọa lạc ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh của cha mẹ các nguyên đơn là cụ Đ1 và cụ L2 để lại thì các nguyên đơn cũng đồng ý. Đối với thửa đất số 3, diện tích 2.460m<sup>2</sup>, nguyên đơn bà Dương Thị B yêu cầu nhận toàn bộ phần diện tích đất này vì bà B canh tác ổn định từ xưa đến nay, bà B sẽ trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Đối với thửa đất 164, nếu phân đất chia cho các đồng thừa kế khác hường mà trên đất có tài sản là nhà tre lá, chuồng trại của bà B thì bà B đồng ý tự di dời những tài sản này, không yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 thì các nguyên đơn không đồng ý.

Theo đơn yêu cầu phân tố ngày 17/4/2019, đơn phân tố yêu cầu bổ sung ngày 15/4/2021, đơn yêu cầu phân tố bổ sung ngày 15/02/2023, lời khai của bị đơn ông Dương Văn Đ và trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Tuấn E là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đ trình bày: Nguồn gốc đất có diện tích 6.104,3m<sup>2</sup>, thửa số

82, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là của ông nội ông Đ (Dương Văn N2) để lại cho cha của ông Đ là cụ Dương Văn Đ1 như các nguyên đơn trình bày là đúng. Trước năm 1975, do chiến tranh nên đất bị bỏ hoang. Sau năm 1975, cụ Đ1 trở về cất một cái chòi nhỏ để ở và trồng hoa màu trên một phần thửa đất này. Đến năm 1980, do sức khỏe của cụ Đ1 không được tốt, hơn nữa chỉ một mình ông Đ là con trai nên cụ Đ1 mới cho vợ chồng ông Đ đến san lấp động cát, cất nhà ở trên thửa đất này và ông Đ có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Khi Nhà nước có chủ trương cấp quyền sử dụng đất thì cụ Đ1 cho ông Đ đứng kê khai, đăng ký đất và ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Trong suốt quá trình ông Đ sử dụng, kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có ai tranh chấp. Đến năm 2004, ông Đ có cho người em ruột tên Dương Thị L mượn một phần đất để cất nhà ở tạm, đến khi nào ông Đ có nhu cầu sử dụng đất thì lấy lại. Do đó, ông Đ không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 6.104,3m<sup>2</sup>, thửa số 82, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Đối với thửa đất 82 này ông Đ đồng ý chia cho hộ gồm: Ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị T1 (vợ ông Đ) và cụ Dương Văn Đ1 mỗi phần bằng nhau, riêng đối với phần cụ Đ1 được hưởng thì ông Đ đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật. Ông Đ có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị L, ông Huỳnh Tấn P1 và chị Huỳnh Thị Thảo Q có nghĩa vụ di dời căn nhà và tài sản có trên đất đi nơi khác để trả lại diện tích 446,9m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 82 cho ông Đ quản lý, sử dụng; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 1.420m<sup>2</sup>, thửa số 164, tờ bản đồ số 09 và diện tích đất 2.460m<sup>2</sup>, thửa số 3, tờ bản đồ số 08, cùng tọa lạc ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh là di sản của cụ Đ1, cụ L2 để lại.

Theo đơn yêu cầu độc lập, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Tuấn E là người đại diện theo ủy quyền của bà T1 trình bày: Thửa đất 82, diện tích 6.104,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 32, tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của hộ gia đình ông Dương Văn Đ và được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đ vào năm 1995. Thời điểm năm 1995 thành viên hộ gia đình ông Đ gồm: Cụ Dương Văn Đ1, ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị T1. Trong diện tích 6.104,3m<sup>2</sup>, thửa 82 thì dành khoảng 1.000m<sup>2</sup> đất làm diện tích mồ mã cho ông, bà trong thân tộc. Trong diện tích còn lại 5.104,3m<sup>2</sup>, bà T1 yêu cầu chia tài sản chung trong hộ chia cho bà T1 diện tích 1.701m<sup>2</sup>.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Nhật T2, chị Dương Thị Tuyết N1 trình bày: Thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông Dương Văn Đ. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa lần thứ nhất, ngày 26/9/2023 anh T2, chị N1 có văn bản gửi Tòa án và tại phiên tòa hôm nay có ý kiến cho rằng thửa đất 82 là tài sản chung của hộ ông Dương Văn Đ, cụ Dương Văn Đ1 chỉ có một phần, phần của cụ Đ1 là di sản thừa kế để chia thừa kế cho các hàng thừa kế của cụ Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Dương Minh T3 trình bày: Anh là con của ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất giữa các cô của anh với cha của anh. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa lần thứ nhất, ngày 26/9/2023 anh T3 có văn bản gửi Tòa án có ý kiến cho rằng thửa đất 82 là tài sản chung của hộ ông Dương Văn Đ, cụ Dương Văn Đ1 chỉ có một phần, phần của cụ Đ1 là di sản thừa kế để chia thừa kế cho các hàng thừa kế của cụ Đ1. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thảo N là người đại diện theo ủy quyền của ông T3 thống nhất với ý kiến trên của anh T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Thúy A:

Trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa lần thứ nhất, ngày 26/9/2023 chị Thúy A có văn bản gửi Tòa án có ý kiến cho rằng thửa đất 82 là tài sản chung của hộ ông Dương Văn Đ, cụ Dương Văn Đ1 chỉ có một phần, phần của cụ Đ1 là di sản thừa kế để chia thừa kế cho các hàng thừa kế của cụ Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Triệu Quang D: Không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn P1 trình bày: Ông không đồng ý di dời căn nhà và các tài sản khác ra khỏi đất tranh chấp theo như yêu cầu phản tố của ông Đ.

Bà Dương Thị L là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thảo Q trình bày: Bà thống nhất như ý kiến trình bày của bà trình bày.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N3 chi nhánh thị xã D trình bày: Ngày 30/3/2020, Ngân hàng đã giải chấp trả cho ông Dương Văn Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 508, diện tích 3.250m<sup>2</sup> và thửa đất số 509, diện tích 3.160m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Cho nên, Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS – ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn đối với thửa đất 508, 509.

Không chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn ông Dương Văn Đ.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 692/2022/DS – PT ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS – ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục chung.

**Tại Bản án dân sự số 48/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:**

Căn cứ các Điều 26, 37, 38, 39, 147, 165, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 508, diện tích 3.250m<sup>2</sup> và thửa đất 509, diện tích 3.160m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (theo tư liệu năm 2008 thuộc thửa 82, diện tích 6.104,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 32).

2. Chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Dương Văn Đ yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 164, diện tích 1.420m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 9 và thửa đất số 3, diện tích 2.460m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu chia tài sản chung trong hộ đối với thửa đất 508, 509 cho bà được hưởng diện tích 1.701m<sup>2</sup>.

4. Không chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Dương Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị L, ông Huỳnh Tấn P1 và chị Huỳnh Thị Thảo Q di dời căn nhà và tài sản có trên đất đi nơi khác để trả lại diện tích 446,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 82 (tư liệu năm 1991 là thửa 508, 509).

5. Chia cho ông Dương Văn Đ được hưởng phần diện tích đất 2.431,4m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A4, A2, B3, B2, B4) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, trên đất có các công trình và cây trồng của gia đình ông Đ. Trong 2.431,1m<sup>2</sup> này có 200m<sup>2</sup> đất ở, 714m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 1.517,4m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần C, D) có chiều dài 96,9m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A5, B5, B6, B7) có 03 đoạn: Đoạn có chiều dài 69,92m, đoạn có chiều dài 23,73m, đoạn có chiều dài 26,61m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 507 có chiều dài 42m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 19,92m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

- Chia cho ông **Dương Văn Đ** được hưởng phần diện tích đất 177,3m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu B3, C7), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 35,68m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C6, B2, C5) có chiều dài 36,08m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

- Chia cho bà **Dương Thị L** được hưởng phần diện tích đất 887,9m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A5, A1, B5) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**, trên đất có các công trình và cây trồng của gia đình bà **L**. Trong 887,9m<sup>2</sup> này có 100m<sup>2</sup> đất ở, 488,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 299,3m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A4, B4) có chiều dài 69,92m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A6, B6) có chiều dài 69,44m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại thửa 508 (giáp phần B4) có chiều dài 12,96m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 12,53m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị L** được hưởng phần diện tích đất 183,6m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu C3, A2, E1) thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 183,6m<sup>2</sup> này có 49m<sup>2</sup> đất ở, 134,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C4, E2) có chiều dài 36,88m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C2, A1, C1) có chiều dài 37,28m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

- Chia cho bà **Dương Thị H** được hưởng phần diện tích đất 707,3m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A7, B7) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 707,3m<sup>2</sup> này có 333m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 374,3m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A6, B6, B4) có chiều dài 95,73m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A8, B8) có chiều dài 95,6m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 507 có chiều dài 7,4m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 7,4m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

- Chia cho bà **Dương Thị H** được hưởng phần diện tích đất 181,4m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu B1, C4, E2) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C6, B2, C5) có chiều dài 36,48m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C3, E1) có chiều dài 36,34m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị P** được hưởng phần diện tích đất 706,2m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A8, B8) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 706,2m<sup>2</sup> này có 329m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 377,2m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A7, B7) có chiều dài 95,6m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp A9, B9) có chiều dài 95,4m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 507 có chiều dài 7,4m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 7,4m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

- Chia cho bà **Dương Thị P** được hưởng phần diện tích đất 179,4m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu C6, B2, C5) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp B3, C7) có chiều dài 36,08m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C4, B1) có chiều dài 36,48m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị B** được hưởng phần diện tích đất 691,8m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A9, B9) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 691,8m<sup>2</sup> này có 322,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 369,5m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A8, B8) có chiều dài 95,4m.

Hướng Tây Nam giáp thửa 503 và 504 có chiều dài 95,19m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 504 và 507 có chiều dài 7,1m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 7,4m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị B** được hưởng phần diện tích đất 335,9m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu C1, C2, A1) thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 335,9m<sup>2</sup> này có 100m<sup>2</sup> đất ở, 235,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần A2, C3) có chiều dài 37,28m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G, F) có chiều dài 37,77m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 13,03m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị B** được hưởng phần diện tích đất 2.460m<sup>2</sup>, thửa 3, tờ bản đồ số 8, loại đất lúa, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 10 có chiều dài 64,48m.

Hướng Tây giáp thửa 9 có chiều dài 67,26m.

Hướng Nam giáp thửa 4 có chiều dài 34,50m.

Hướng Bắc giáp thửa 2 có chiều dài 39,48m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Ông **Dương Văn Đ**, bà **Dương Thị L**, bà **Dương Thị H**, bà **Dương Thị P**, bà **Dương Thị B** được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất được chia trên theo quyết định của bản án này sau khi trừ nghĩa vụ tài chính (nếu có).

6. Buộc ông **Dương Văn Đ** phải có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch phần di sản nhận nhiều hơn phần được hưởng cho bà **Dương Thị B** số tiền 43.541.390 đồng, trả cho bà **Dương Thị H** số tiền 82.015.556 đồng, trả cho bà **Dương Thị P** số tiền 83.145.556 đồng.

Buộc ông **Dương Văn Đ** phải trả giá trị phần công sức gìn giữ, tôn tạo cho bà **Nguyễn Thị Tốt** số tiền 189.563.333 đồng (379.126.666 đồng/2).

Buộc bà **Dương Thị B** có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch phần di sản nhận nhiều hơn phần được hưởng cho bà **Dương Thị L** số tiền 8.328.889 đồng, trả cho bà **Dương Thị H** số tiền 44.956.666 đồng, trả cho bà **Dương Thị P** 45.106.666 đồng.

Buộc bà **Dương Thị L** có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch phần di sản nhận nhiều hơn phần được hưởng cho ông **Dương Văn Đ** số tiền 9.245.833 đồng, trả cho bà **Dương Thị H** số tiền 27.566.944 đồng, trả cho bà **Dương Thị P** số tiền 27.566.944 đồng.



7. Buộc bà Dương Thị B, bà Dương Thị P, bà Dương Thị H trả cho ông Dương Văn Đ giá trị 250 cây chuối có trên phần đất mình được chia (thửa 508, 509) mỗi người số tiền 3.333.333đồng. Bà B, bà P, bà H được quyền sở hữu số lượng cây chuối trên phần đất mình được chia.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

9. Buộc bà Dương Thị B di dời tài sản là một phần nhà tre lá, chuồng trại có trên phần đất chia cho bà Dương Thị L, bà Dương Thị H, bà Dương Thị P, ông Dương Văn Đ để giao đất cho bà L, bà H, bà P, ông Đ.

10. Buộc ông Dương Văn Đ di dời 02 cây cột bê tông, cột thép (cột dự định làm cổng rào khu mộ) nằm trên phần diện tích đất 887,9m<sup>2</sup> (thuộc thửa 508, 509, phần ký hiệu A5, A1, B5) chia cho bà Dương Thị L để giao phần đất trên cho bà L.

11. Dành phần diện tích 649,2m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A6, B1, B6) thuộc một phần thửa 508, 509, cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Trong 649,2m<sup>2</sup> này có 406,3m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm, 242,9m<sup>2</sup> là đất trồng màu làm mỗ mã cho thân tộc nguyên đơn, bị đơn. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A5, B5) có chiều dài 69,44m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp A7, B7) có chiều dài 69,12m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 508 (giáp phần B4) có chiều dài 10,77m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 08m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị L, bà Dương Thị H, bà Dương Thị P, bà Dương Thị B được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để được cấp chung quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 649,2m<sup>2</sup> này theo quyết định của Bản án này sau khi trừ nghĩa vụ tài chính (nếu có).

12. Dành phần diện tích 156,5m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A3), thuộc thửa 509, tờ bản đồ 10, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh làm lối đi chung cho hộ gia đình bà Dương Thị L, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị B, bà Dương Thị P, bà Dương Thị H. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần C) có chiều dài 2,5m.

Hướng Tây Nam giáp thửa 503 có chiều dài 2,5m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A4, A5, A6, A7, A8, A9) có chiều dài 62,65m.

Hướng Tây Bắc giáp thửa 510 có chiều dài 62,6m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

13. Dành phần diện tích 115,6m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C8), thuộc thửa 164, tờ bản đồ 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh làm lối đi chung cho hộ gia đình bà Dương Thị L, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị B, bà Dương Thị P, bà Dương Thị H. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 2.6 m.

Hướng Tây Nam giáp đường bê tông có chiều dài 2,17m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần F, C2, C3, C4, C6, C7) có chiều dài 47,15m.

Hướng Tây Bắc giáp thửa 160, thửa 2878 và phần còn lại của thửa 164 (phần G) có chiều dài 47,39m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 06/10/2023 các ông bà Nguyễn Thị T1, Dương Minh T3, Dương Thị Tuyết N1, Dương Nhật T2 và Dương Thị Thúy A làm đơn kháng cáo yêu cầu công nhận cho các ông bà mỗi người một phần diện tích đất trong thửa 508 và thửa 509 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E981263 có diện tích là 3.250m<sup>2</sup>, đất trồng hoa màu và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 901264 có diện tích 3.160m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, đất cấp cho hộ ông Dương Văn Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:

Bản án sơ thẩm đã giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phía những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị xem xét lại đối với di sản thừa kế là các thửa đất 508 và thửa đất 509 cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (theo tư liệu năm 2008 thuộc thửa 82, diện tích 6.104,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 32).

[1] Qua xem xét về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đối với 02 thửa đất này, thấy rằng:

Đối với 02 thửa đất 508, và thửa đất 509 nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị B, bà Dương Thị P, bà Dương Thị H và bị đơn ông Dương Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án đều thừa nhận có nguồn gốc là của ông nội các nguyên đơn, bị đơn là cụ Dương Văn N2 để lại cho cha, mẹ các nguyên đơn, bị đơn là cụ Dương Văn Đ1 và cụ Phan Thị L2. Theo tư liệu năm 1983 thì phần đất trên do cụ Dương Văn Đ1 kê khai, đăng ký tại thửa 455, diện tích 6.600m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01, loại đất Tm. Theo tư liệu năm 1991 thì do ông Dương Văn Đ kê khai, đăng ký tại thửa 508, diện tích 3.250m<sup>2</sup>, loại đất ĐM và thửa 509, diện tích 3.160m<sup>2</sup>, loại đất T – LNK, cùng tờ bản đồ số 10. Đến ngày 17/8/1995, hộ ông Dương Văn Đ được Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thị xã D) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất trên (Bút lục 204, 103 - 104).

Xét thấy: thửa đất 508, 509 đang tranh chấp, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận là của cụ N2 để lại cho cụ Đ1, cụ L2; cụ Đ1 đã kê khai, đăng ký vào năm 1983. Việc vào năm 1991, ông Đ kê khai, đăng ký đến năm 1995 hộ ông Đ được Ủy ban nhân dân huyện D cấp quyền sử dụng đất 02 thửa đất trên nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện cụ Đ1, cụ L2 đã cho ông Đ phần đất trên; các đồng thừa kế khác không thừa nhận việc đã cho ông Đ. Qua đó cho thấy, việc ông Đ kê khai, đăng ký phần đất của cụ Đ1 là do tự kê khai, đăng ký. Do đó, căn cứ vào tiêu mục 1.2 mục 1, phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; điểm b khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013 thì thửa đất 508, 509 là di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ L2 để lại chưa chia cho ai. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là di sản và chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 508, 509:

Quá trình chia phần di sản trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ xem xét toàn diện các chứng cứ về đặc điểm của di sản như: diện tích, vị trí, nhu cầu sử dụng, công sức đóng góp, giá trị di sản để giải quyết thỏa đáng quyền, lợi ích của tất cả các đương sự trong vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét đến công sức đóng góp của các thành viên trong hộ với lý do đất cấp cho hộ gia đình. Xét thấy, ở thời điểm ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vào năm 1995, những người liên quan đều là người chưa thành niên, việc cấp sơ thẩm chỉ xem xét phần công sức đóng góp của bà T1 mà không xác định công sức đóng góp của những người liên quan chưa thành niên là có căn cứ. Yêu cầu này của các đương sự T3, N1, T2 và A là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên Bản án dân sự số 48/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thừa đất 508, diện tích 3.250m<sup>2</sup> và thừa đất 509, diện tích 3.160m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (theo tư liệu năm 2008 thuộc thừa 82, diện tích 6.104,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 32).

2. Chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Dương Văn Đ yêu cầu chia thừa kế đối với thừa đất 164, diện tích 1.420m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 9 và thừa đất số 3, diện tích 2.460m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu chia tài sản chung trong hộ đối với thừa đất 508, 509 cho bà được hưởng diện tích 1.701m<sup>2</sup>.

4. Không chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Dương Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị L, ông Huỳnh Tấn P1 và chị Huỳnh Thị Thảo Q di dời căn nhà và tài sản có trên đất đi nơi khác để trả lại diện tích 446,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thừa số 82 (tư liệu năm 1991 là thừa 508, 509).

5. Chia cho ông **Dương Văn Đ** được hưởng phần diện tích đất 2.431,4m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A4, A2, B3, B2, B4) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**, trên đất có các công trình và cây trồng của gia đình ông **Đ**. Trong 2.431,1m<sup>2</sup> này có 200m<sup>2</sup> đất ở, 714m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 1.517,4m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần C, D) có chiều dài 96,9m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp A5, B5, B6, B7) có 03 đoạn: Đoạn có chiều dài 69,92m, đoạn có chiều dài 23,73m, đoạn có chiều dài 26,61m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 507 có chiều dài 42m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 19,92m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

- Chia cho ông **Dương Văn Đ** được hưởng phần diện tích đất 177,3m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu B3, C7), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 35,68m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C6, B2, C5) có chiều dài 36,08m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

- Chia cho bà **Dương Thị L** được hưởng phần diện tích đất 887,9m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A5, A1, B5) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**, trên đất có các công trình và cây trồng của gia đình bà **L**. Trong 887,9m<sup>2</sup> này có 100m<sup>2</sup> đất ở, 488,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 299,3m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A4, B4) có chiều dài 69,92m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp A6, B6) có chiều dài 69,44m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại thửa 508 (giáp B4) có chiều dài 12,96m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 12,53m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị L** được hưởng phần diện tích đất 183,6m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu C3, A2, E1) thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 183,6m<sup>2</sup> này có 49m<sup>2</sup> đất ở, 134,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C4, E2) có chiều dài 36,88m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C2, A1, C1) có chiều dài 37,28m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

- Chia cho bà **Dương Thị H** được hưởng phần diện tích đất 707,3m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A7, B7) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 707,3m<sup>2</sup> này có 333m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 374,3m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A6, B6, B4) có chiều dài 95,73m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp A8, B8) có chiều dài 95,6m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 507 có chiều dài 7,4m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 7,4m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

- Chia cho bà **Dương Thị H** được hưởng phần diện tích đất 181,4m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu B1, C4, E2) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C6, B2, C5) có chiều dài 36,48m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C3, E1) có chiều dài 36,34m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

Chia cho bà **Dương Thị P** được hưởng phần diện tích đất 706,2m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A8, B8) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 706,2m<sup>2</sup> này có 329m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 377,2m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A7, B7) có chiều dài 95,6m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp A9, B9) có chiều dài 95,4m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 507 có chiều dài 7,4m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 7,4m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

- Chia cho bà **Dương Thị P** được hưởng phần diện tích đất 179,4m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu C6, B2, C5) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp B3, C7) có chiều dài 36,08m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp C4, B1) có chiều dài 36,48m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 05m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

Chia cho bà **Dương Thị B** được hưởng phần diện tích đất 691,8m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu A9, B9) thuộc một phần thửa 508, 509 (theo tư liệu 2008 là thửa 82), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc **ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 691,8m<sup>2</sup> này có 322,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 369,5m<sup>2</sup> đất trồng màu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A8, B8) có chiều dài 95,4m.

Hướng Tây Nam giáp thửa 503 và 504 có chiều dài 95,19m.

Hướng Đông Nam giáp thửa 504 và 507 có chiều dài 7,1m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 7,4m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị B** được hưởng phần diện tích đất 335,9m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu C1, C2, A1) thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 9, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Trong 335,9m<sup>2</sup> này có 100m<sup>2</sup> đất ở, 235,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần A2, C3) có chiều dài 37,28m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G, F) có chiều dài 37,77m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 05m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần C8) có chiều dài 13,03m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho bà **Dương Thị B** được hưởng phần diện tích đất 2.460m<sup>2</sup>, thửa 3, tờ bản đồ số 8, loại đất lúa, tọa lạc **ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh**. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 10 có chiều dài 64,48m.

Hướng Tây giáp thửa 9 có chiều dài 67,26m.

Hướng Nam giáp thửa 4 có chiều dài 34,50m.

Hướng Bắc giáp thửa 2 có chiều dài 39,48m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Ông **Dương Văn Đ**, bà **Dương Thị L**, bà **Dương Thị H**, bà **Dương Thị P**, bà **Dương Thị B** được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất được chia trên theo quyết định của bản án này sau khi trừ nghĩa vụ tài chính (nếu có).

6. Buộc ông **Dương Văn Đ** phải có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch phần di sản nhận nhiều hơn phần được hưởng cho bà **Dương Thị B** số tiền 43.541.390 đồng, trả cho bà **Dương Thị H** số tiền 82.015.556 đồng, trả cho bà **Dương Thị P** số tiền 83.145.556 đồng.

Buộc ông **Dương Văn Đ** phải trả giá trị phần công sức gìn giữ, tôn tạo cho bà **Nguyễn Thị Tốt** số tiền 189.563.333 đồng (379.126.666 đồng/2).

Buộc bà **Dương Thị B** có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch phần di sản nhận nhiều hơn phần được hưởng cho bà **Dương Thị L** số tiền 8.328.889 đồng, trả cho bà **Dương Thị H** số tiền 44.956.666 đồng, trả cho bà **Dương Thị P** 45.106.666 đồng.

Buộc bà Dương Thị L có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch phần di sản nhận nhiều hơn phần được hưởng cho ông Dương Văn Đ số tiền 9.245.833 đồng, trả cho bà Dương Thị H số tiền 27.566.944 đồng, trả cho bà Dương Thị P số tiền 27.566.944 đồng.

7. Buộc bà Dương Thị B, bà Dương Thị P, bà Dương Thị H trả cho ông Dương Văn Đ giá trị 250 cây chuối có trên phần đất mình được chia (thửa 508, 509) mỗi người số tiền 3.333.333 đồng. Bà B, bà P, bà H được quyền sở hữu số lượng cây chuối trên phần đất mình được chia.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

9. Buộc bà Dương Thị B di dời tài sản là một phần nhà tre lá, chuồng trại có trên phần đất chia cho bà Dương Thị L, bà Dương Thị H, bà Dương Thị P, ông Dương Văn Đ để giao đất cho bà L, bà H, bà P, ông Đ.

10. Buộc ông Dương Văn Đ di dời 02 cây cột bê tông, cột thép (cột dự định làm công rào khu mộ) nằm trên phần diện tích đất 887,9m<sup>2</sup> (thuộc thửa 508, 509, phần ký hiệu A5, A1, B5) chia cho bà Dương Thị L để giao phần đất trên cho bà L.

11. Dành phần diện tích 649,2m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A6, B1, B6) thuộc một phần thửa 508, 509, cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Trong 649,2m<sup>2</sup> này có 406,3m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm, 242,9m<sup>2</sup> là đất trồng màu làm mỗ mã cho thân tộc nguyên đơn, bị đơn. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp phần A5, B5) có chiều dài 69,44m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 509, 508 (giáp A7, B7) có chiều dài 69,12m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 508 (giáp phần B4) có chiều dài 10,77m.

Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A3) có chiều dài 08m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

Ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị L, bà Dương Thị H, bà Dương Thị P, bà Dương Thị B được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để được cấp chung quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 649,2m<sup>2</sup> này theo quyết định của Bản án này sau khi trừ nghĩa vụ tài chính (nếu có).

12. Dành phần diện tích 156,5m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A3), thuộc thửa 509, tờ bản đồ 10, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh làm lối đi chung cho hộ gia đình bà Dương Thị L, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị B, bà Dương Thị P, bà Dương Thị H. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần C) có chiều dài 2,5m.

Hướng Tây Nam giáp thửa 503 có chiều dài 2,5m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 509 (giáp phần A4, A5, A6, A7, A8, A9) có chiều dài 62,65m.

Hướng Tây Bắc giáp thửa 510 có chiều dài 62,6m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

13. Dành phần diện tích 115,6m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C8), thuộc thửa 164, tờ bản đồ 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh làm lối đi chung cho hộ gia đình bà Dương Thị L, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị B, bà Dương Thị P, bà Dương Thị H. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần G) có chiều dài 2.6 m.

Hướng Tây Nam giáp đường bê tông có chiều dài 2,17m.

Hướng Đông Nam giáp phần còn lại của thửa 164 (giáp phần F, C2, C3, C4, C6, C7) có chiều dài 47,15m.

Hướng Tây Bắc giáp thửa 160, thửa 2878 và phần còn lại của thửa 164 (phần G) có chiều dài 47,39m.

*(Có sơ đồ khu đất kèm theo)*

14. Về lệ phí thẩm định, định giá, cung cấp thông tin: Số tiền là 31.935.000 đồng. Buộc ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị L, bà Dương Thị H, bà Dương Thị P, bà Dương Thị B mỗi người phải chịu số tiền 6.387.000 đồng. Do ông Dương Văn Đ nộp tạm ứng trước số tiền 6.813.000 đồng, bà Dương Thị P nộp tạm ứng trước số tiền 4.000.000 đồng (chỉ 2.982.000đồng), bà Dương Thị L nộp tạm ứng trước số tiền 22.140.000 đồng. Buộc bà Dương Thị P nộp lại số tiền 3.405.000 đồng, bà Dương Thị H nộp lại số tiền 6.387.000 đồng, bà Dương Thị B nộp lại số tiền 6.387.000 đồng để trả lại cho ông Dương Văn Đ số tiền 426.000 đồng, trả lại cho bà Dương Thị L số tiền 15.753.000 đồng.

Bà Dương Thị P được nhận lại số tiền còn dư 1.018.000 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

15. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B, bà Dương Thị H, bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bà Dương Thị P phải chịu 21.877.366 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự Dương Nhật T2, Dương Minh T3, Dương Thị Tuyết N1, và Dương Thị Thúy A phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi người là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019476, 0019477, 0019478, 0019479 ngày 03/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0019475 ngày 03/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Thị T1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 16b NThuy.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**